

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2012/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2011/NĐ-CP;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2834/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành và thông qua mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	Quặng khoáng sản kim loại		
1	Quặng sắt	Tấn	60.000
2	Quặng ti-tan (titan)	Tấn	70.000
3	Quặng vàng	Tấn	270.000
4	Quặng đất hiếm	Tấn	60.000
5	Quặng bạc, Quặng thiếc	Tấn	270.000
6	Quặng von-phờ-ram (wolfram), Quặng ăng-ti-moan (antimoan)	Tấn	50.000
7	Quặng đồng, Quặng ni-ken (niken)	Tấn	60.000
8	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	30.000
II	Khoáng sản không kim loại		
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa ...)	m ³	70.000
2	Đá Block	m ³	90.000
3	Sỏi, cuội, sạn	m ³	6.000
4	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Tấn	3.000
5	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp ...)	Tấn	3.000
6	Cát vàng	m ³	5.000
7	Cát làm thủy tinh	m ³	7.000
8	Các loại cát khác	m ³	4.000
9	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000
10	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	2.000
11	Đất làm cao lanh	m ³	7.000
12	Các loại đất khác	m ³	2.000
13	Sét chịu lửa	Tấn	30.000
14	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorite)	Tấn	30.000
15	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000
16	Than bùn	Tấn	10.000
17	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000

- Đối với trường hợp phát sinh các loại khoáng sản không nằm trong danh mục trên thì được phép áp dụng mức phí tối đa theo quy định tại Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ.

- Trường hợp đối với khai thác khoáng sản tận thu được áp dụng mức phí bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng theo quy định ở trên. Trong đó khoáng sản tận thu là khoáng sản được thu từ các hoạt động:

+ Hoạt động khai thác khoáng sản còn lại ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ;

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân không nhằm mục đích khai thác khoáng sản nhưng có chức năng, nhiệm vụ hoặc có đăng ký kinh doanh mà trong quá trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ hoặc chuyên ngành đã đăng ký mà thu được khoáng sản (như nạo vét sông thu được cát, xây dựng các công trình thủy điện thu được đá...).

2. Đối tượng nộp phí:

Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là các tổ chức, cá nhân khai thác các loại khoáng sản được quy định tại khoản 1.

3. Quản lý, sử dụng phí:

Việc tính phí, kê khai, thu nộp, quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2012 và thay thế Nghị quyết số 8 1/2010/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khoá VI, kỳ họp thứ 4 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Thiện